

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST

Ngày 08 - 9 - 2021

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hưởng

2. Ông Cao Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị P, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Lèng Văn C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh G.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/7/2021 và quá trình tố tụng chị Giàng Thị P trình bày:

Chị và anh Lèng Văn C kết hôn ngày 04/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh G trên. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng đã được gia đình, bạn bè khuyên giải, vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được nên anh chị đã sống ly thân

từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về phía bị đơn anh Lèng Văn C trình bày: Anh và chị Giàng Thị P đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/3/2014 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh G. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị về sống với nhau tại thôn N, xã T, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Anh chị đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn và được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng không cải thiện được mâu thuẫn. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, giữa hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Chị Giàng Thị P và anh Lèng Văn C đều khai nhận anh chị có 01 con chung tên là Lèng Thị Y sinh ngày 12/12/2013. Anh chị đều thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Y cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 500.000đ/tháng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P và anh C đều xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Trong đơn vắng mặt anh giữ nguyên phần trình bày trong bản tự khai, đồng thời chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và chị vẫn giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Giàng Thị P và bị đơn anh Lèng Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P và anh C đều giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị

đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P và anh C được ly hôn;

Về nuôi con chung: Giao cháu Lèng Thị Y sinh ngày 12/12/2013 cho anh Lèng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị P cấp dưỡng nuôi con chung với mức 500.000,đ/tháng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Giàng Thị P có đơn khởi kiện “Xin ly hôn, nuôi con chung” với bị đơn là anh Lèng Văn C, anh C có nơi cư trú tại Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh G, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và các bên đương sự đều có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P và anh Lèng Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật từ năm 2014. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, không có sự quan tâm, chăm sóc và không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Trong biên bản tự khai của chị Giàng Thị P và anh Lèng Văn C đều thừa nhận trong cuộc sống chung giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, hiện nay không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải nhưng anh C xin vắng

mặt tại buổi hòa giải, chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Trên cơ sở các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Giàng Thị P và anh Lèng Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Giàng Thị P được ly hôn với anh Lèng Văn C.

[4] Về con chung: Chị P và anh C có 01 con chung tên là Lèng Thị Y, sinh ngày 12/12/2013. Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh C đều thống nhất thỏa thuận giao cháu Y cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000,đ/tháng (*Năm trăm nghìn đồng*). Do anh chị đều có quan điểm đồng nhất về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, cháu Y hiện nay đang sống cùng anh C và ông bà nội ổn định, đồng thời cháu Y có nguyện vọng được ở cùng với bố cháu. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, có điều kiện ăn học tốt nhất tránh sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của cháu. Do vậy cần giao con chung cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị P là lao động tự do, không xác nhận được mức thu nhập, nhưng chị P phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung là nghĩa vụ của chị P đối với con chưa thành niên nên ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con của chị P cùng anh C là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Giàng Thị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Giàng Thị P. Xử cho chị Giàng Thị P được ly hôn với anh Lèng Văn C.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lèng Thị Y sinh ngày 12/12/2013 cho anh Lèng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mức

500.000,đ/tháng (Năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, anh C là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về án phí:* Chị Giàng Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 04409, ngày 12 tháng 7 năm 2021. Chị Giàng Thị P phải nộp thêm số tiền 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện HSP;
- UBND xã Thèn Chu Phìn;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Lương